

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 184/2024/DS-ST
Ngày : 26/ 4 /2024
V/v “ Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – TP. HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Trí.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

- 1./ Ông Nguyễn Văn Quân
- 2./ Ông Võ Văn Tốt

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 :* Bà Lương Thị Lan - Kiểm sát viên.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thống - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12 – Tp ..

Vào ngày 26 tháng 4 năm 2024 , tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 465/2023/TLST-DS ngày 09/10/2023 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 364/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: 266- B N, phường V, Quận C, Tp ..

Đại diện ủy quyền: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tường D, sinh năm 1993(Vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: 98A Khu phố B, phường Đ, Quận A, Tp ..

Nơi cư trú hiện nay: 1103 Chung cư T, Khu phố F, phường T, Quận A, Tp ..

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2023 và các lời khai trong quá*

trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày :

Ngày 27/08/2018, bàThị Tường D có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng—các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bàNgân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng số thẻ 356481-0670 với hạn mức sử dụng là 35.000.000với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bàđã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 604.988.951đ.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bàđã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 574.262.200đ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bàvẫn không có thiện chí trả nợ nên ngày 23/11/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện Diệuhành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 41.095.035đ làm nợ gốc và tính lãi hàng tháng trên dư nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng x 150%= 3,9%/tháng lãi quá hạn).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bàyêu cầu NH bàcó trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà D trả nợ, tuy nhiên bà D vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S khởi kiện bà D, đề nghị Tòa án nhân dân Quận 12 giải quyết buộc bàNguyễn Thị Tường D1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/4/2024 là 109.531.179đ, trong đó nợ gốc là 41.095.035đ, nợ lãi là 68.436.144đ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/8/2018 đã ký kết và tiếp tục tính tiền nợ gốc, lãi từ ngày 27/4/2024 cho đến khi bà D1 thanh toán xong các khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn giải quyết vụ án thì chưa đảm bảo, cần xem xét rút kinh nghiệm. Về việc giải quyết nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay tại hợp đồng tín dụng đã ký kết nên đây là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Bà Nguyễn Thị Tường D có địa chỉ cư trú tại số A Chung cư T, Khu phố F, phường T, Quận A, Tp.HCM nên theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Về thủ tục tố tụng* :

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (Đại diện uỷ quyền ông Lã Ngọc M) có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Tường D vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định pháp luật.

Về nội dung hợp đồng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Khoản 2 Điều 92 BLTTDS quy định một bên không phản đối tình tiết bên kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và thông báo hòa giải nhưng đã không gửi văn bản phản đối những tình tiết bên nguyên đơn đưa ra. Như vậy bên nguyên đơn không phải chứng minh những tình tiết nguyên đơn đưa ra là chứng cứ. Từ đó:

Xét yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 27/8/2018 giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Tường D, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa hai bên Ngân hàng và bà D đã có ký kết hợp đồng tín dụng. Đây là hợp đồng dân sự được hai bên Ngân hàng và bà D giao kết một cách tự nguyện.

Tính đến ngày 26/4/2024, bà D còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 27/8/2018 tổng cộng là 109.531.179đ, trong đó nợ gốc là 41.095.035đ, nợ lãi là 68.436.144đ.

Theo quy định tại Điều 91 Luật Các Tổ Chức Tín Dụng năm 2010, hai bên có quyền thỏa thuận về lãi suất theo quy định của pháp luật, nên những thỏa thuận giữa bà D và Ngân hàng về lãi suất là phù hợp pháp luật do đó chấp nhận.

Bị đơn bà D không thanh toán tiền gốc và lãi theo đúng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 27/8/2018 nên bà D phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số nợ tính đến ngày 26/4/2024 là 109.531.179đ và tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 27/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ gốc và lãi theo như thỏa thuận trong hợp đồng.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Bị đơn phải chịu án phí là 5.476.559đ (Năm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm năm mươi chín đồng);

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 117, 119, 298, 299, 317, 318, 323, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 4, Điều 90, Điều 91 của Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Tường D phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 26/4/2024 tổng cộng là 109.531.179đ (Một trăm lẻ chín triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, một trăm bảy mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 41.095.035đ, nợ lãi là 68.436.144đ, theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng) của Ngân hàng ngày 27/8/2018 ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ tiếp tục được điều chỉnh trong giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Tường D phải chịu án phí là 5.476.559đ (Năm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm năm mươi chín đồng);

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 2.248.114đ (Hai triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm mười bốn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu số AA/2023/0030641 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát trực tiếp cấp trên là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA